TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2024
V/v: Tranh chấp, ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Cương
Ông Đồng Văn Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-DS ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú: Thôn M, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hà Văn T1, sinh năm 1985 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Hà Văn T1 ngày 28/4/2009. Trước khi cưới, có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hoà thuận được để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ ngày 05/3/2024. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Hà Lê Khánh A, sinh ngày 24/02/2010, Hà Duy D, sinh ngày 30/5/2013 và Hà Bảo A1, sinh ngày 13/11/2018. Hiện cháu A và cháu D đang ở cùng anh T1, còn cháu A1 đang ở cùng chị, các cháu khoẻ mạnh và phát

triển bình thường. Nay ly hôn chị và anh T1 thoả thuận để anh T1 nuôi cháu A và cháu D, còn chị nuôi cháu A1, không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hà Văn T1 trình bày: Anh có đăng ký kết hôn với chị T ngày 28/4/2009 tại UBND xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận không có mâu thuẫn gì, hiện chị T vẫn đang ở tại nhà anh. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh không đồng ý. Về con chung như chị T trình bày là đúng. Vì anh không đồng ý ly hôn nên anh kiên quyết không khai gì thêm về con chung và tài sản.

Tại phiên toà hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự là nguyên đơn, trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật; đề nghị xét xử cho chị T được ly hôn anh T1. Về con chung: Giao chị T nuôi một con chung là Hà Bảo A1, sinh ngày 13/11/2018. Giao anh T1 nuôi hai con chung là Hà Lê Khánh A, sinh ngày 24/02/2010 và Hà Duy D, sinh ngày 30/5/2013. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Chị T không đề nghị giải quyết, anh T1 không có ý kiến gì, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Hà Văn T1, nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Chị T xin được ly hôn anh T1, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Hà Văn T1 ngày 28/4/2009, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không hòa thuận được để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi

quan hệ với nhau từ tháng 3/2024. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T thiết tha xin được ly hôn. Phía anh T1, không đồng ý ly hôn. Qua lời khai của đương sự và qua xác minh, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị T là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T1 sinh được ba con chung là Hà Lê Khánh A, sinh ngày 24/02/2010, Hà Duy D, sinh ngày 30/5/2013 và Hà Bảo A1, sinh ngày 13/11/2018. Hiện cháu Bảo A1 đang ở cùng chị T, cháu A và cháu D đang ở cùng anh T1, các cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị T xin được nuôi cháu A1, còn để anh T1 nuôi cháu A và cháu D, không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 không có quan điểm gì về việc nuôi con. Cháu A và cháu D đều có nguyện vọng muốn ở với bố. HĐXX xét thấy, các bên có điều kiện nuôi con như nhau, cháu A và cháu D đều có nguyện vọng muốn ở với bố, cháu A1 còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, nên để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con trẻ, cần giao chị T nuôi cháu A1; anh T1 nuôi cháu A và cháu D. Nếu sau này, anh T1 có mặt đề nghị thay đổi việc nuôi con, Tòa án sẽ có thể giải quyết bằng vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, anh T1 không có ý kiến gì về việc này, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết, xét là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, anh T1 không có quan điểm gì về vấn đề này. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt, có văn bản đề nhị xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị T nuôi một con chung là Hà Bảo A1, sinh ngày 13/11/2018. Anh Hà Văn T1 nuôi hai con chung là Hà Lê Khánh A, sinh ngày 24/02/2010 và Hà Duy D, sinh ngày 30/5/2013. Không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh T1, chị T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T1, chị T thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007581 ngày 22/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã X, Lạng Giang, Bắc Giang
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi